TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 630/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 7 - 2020
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: 54/10 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà Vũ Thị H tổ chức đám cưới vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1993.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại số 54/10 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến tháng 5 năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông S uống rượu, không việc làm, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2014 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của ông chỉ còn là hình thức nên ông có nguyện vọng được ly hôn với bà H.

- Về con chung: có 02 người con tên Nguyễn Vũ Thùy T, sinh năm 1993 và Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/02/2003. Ông S yêu cầu bà H trực tiếp nuôi trẻ Tú, ông Sân không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 192.TH Quyển số 1/93 ngày 19/5/1993 do Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H, ông S khai sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S thường uống rượu, không có làm việc, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2014 đến nay. Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng bà H vẫn cố tình tránh né không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ bà H không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người đã không chung sống hơn 06 năm, một quãng thời gian khá dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của ông S và bà H đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, ông Sân và bà Hồng có 02 người con: Nguyễn Vũ Thùy T, sinh năm 1993 (đã trưởng thành) và trẻ Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/02/2003. Hiện nay, trẻ T đang sống với bà H nên ông S yêu cầu bà H trực tiếp nuôi trẻ T, ông S không cấp dưỡng nuôi con; đồng thời, trẻ T có nguyện vọng sống chung với bà H. Hội đồng xét thấy, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của trẻ T, do đó có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Vũ Thị H.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 12/02/2003 cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn S cho đến khi có yêu cầu của bà H.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Toà án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà ông S đã nộp theo biên lai số 0074378 ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

Nguyễn Thị Kim Phụng